

Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 tập 2 tuần 24: Chính tả

Hướng dẫn Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 tập 2 tuần 24 trang 22: Chính tả

Câu 1: Điền vào chỗ trống:

- | | |
|----------------|------------------|
| a) s hoặc x | b) ut hoặc uc |
| -ay sưa | - ch....'.. mừng |
|ay lúa | chăm ch... ' .. |
| -ông lên | - l.... .. lợi |
| dòngông | l.... .. lợi |

Câu 2: a) Tên nhiều con vật thường bắt đầu bằng s (sói, sẻ, sứa,...). Em hãy viết thêm các tên khác:

.....

b) Điền các tiếng có vần uc hoặc ut, có nghĩa như sau:

- Co (đầu, cổ, tay) lại:
- Dùng xẻng lấy đất, đá, cát:
- Chọi bằng sừng hoặc đầu:

TRẢ LỜI:

Câu 1: Điền vào chỗ trống:

- | | |
|-------------|--------------------|
| a) s hoặc x | b) ut hoặc uc |
| - say sưa | - chúc mừng |
| xay lúa | chăm chú t |
| - xông lên | - l u t lợi |
| dòng sông | l u c lợi |

Câu 2: a) Tên nhiều con vật thường bắt đầu bằng s (sói, sẻ, sứa,...). Em hãy viết thêm các tên khác:

sóc, sáo, sâu, săn sắt, cá sấu, sò, sùng, sơn dương, sâm cầm, sư tử,...

b) Điền các tiếng có vần *uc* hoặc *ut*, có nghĩa như sau:

- Co (đầu, cổ, tay) lại: **rút**
- Dùng xẻng lấy đất, đá, cát: **xúc**
- Chọi bằng sừng hoặc đầu: **húc**

Hướng dẫn Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 tập 2 tuần 24 trang 24: Chính tả

Câu 1: Chọn chữ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

- (xâu, sâu):.....bọ, kim
- (săn, xắn) : củ, tay áo
- (xinh, sinh) :sống ,đẹp
- (sát, xát) :gạo ,bên cạnh

Câu 2. Điền tiếng có nghĩa vào chỗ trống:

Âm đầu Vần	l	r	s	th	nh
ut					
uc					

Giải

Câu 1: Chọn chữ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

- (xâu, sâu): **sâu** bọ, **xâu** kim
- (săn, xắn): củ **săn**, **xắn** tay áo
- (xinh, sinh): **sinh** sống, **xinh** đẹp
- (sát, xát): **xát** gạo, **sát** bên cạnh

Câu 2. Điền tiếng có nghĩa vào chỗ trống:

Âm đầu Vần	l	r	s	th	nh
ut	lút lút	rút rút	sút sút	thút thút	nhút nhút
uc	lúc lúc	rúc rúc	súc súc	thúc thúc	nhúc nhúc

Tham khảo toàn bộ giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 tại đây:

<https://vndoc.com/giai-vo-bai-tap-tieng-viet-2>